

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản đá granite ốp lát còn lại tại mỏ Ia Kreng, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Hiệp Lợi Gia Lai
(Trừ lượng tính đến tháng 5 năm 2026)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 của UBND tỉnh Gia Lai cho phép Công ty TNHH Hiệp Lợi Gia Lai khai thác mỏ tại xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Păh; Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản tại xã Ia Kreng.

Theo Văn bản số 1054/UBND-CNXD ngày 22/04/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về chấp thuận kế hoạch thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản đá

granit làm ốp lát tại xã Ia Krengh, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai);

Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 01/7/2026; theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 1076/TTr-SNNMT ngày 27/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá granite ốp lát còn lại tại mỏ Ia Krengh, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai” của Công ty TNHH Hiệp Lợi Gia Lai, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò là 09ha (chín hecta) có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản chính đá granite đã tính trong báo cáo, bao gồm trữ lượng địa chất cấp 121 và cấp 122 toàn mỏ là 1.273.475 m³, trong đó:

- Đá granit đạt tiêu chuẩn làm đá ốp lát là 370.590 m³ (trong đó: trữ lượng cấp 121 là 207.380m³; cấp trữ lượng 122 là 163.210m³).

- Đá granit nguyên khối có thể tích từ $\geq 0,1\text{m}^3$ không đạt tiêu chuẩn làm đá ốp lát (không đồng nhất về màu sắc, độ hạt, độ thu hồi) được sử dụng làm đá chẻ, đá cubic, đá lát vỉa hè là 417.070 m³ (trong đó: cấp trữ lượng cấp 121 là 233.390 m³; trữ lượng cấp 122 là 183.680 m³).

- Đá granit bán phong hóa, đá thải loại trong quá trình khai thác, chế biến đá ốp lát có thể tích $< 0,1\text{ m}^3$ sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, cát nghiền là 485.815m³ (trong đó cấp trữ lượng 121 là 271.860 m³; cấp trữ lượng 122 là 213.955 m³).

3. Trữ lượng khoáng sản đi kèm: đất làm vật liệu san lấp 1.410.357 m³, trong đó: trữ lượng cấp 121 là 487.750 m³, trữ lượng cấp 122 là 922.607 m³.

Hệ số nở ròi: $H_{nr} \text{ đất} = 1,267$.

4. Tài nguyên đá granit cấp 333 là 1.271.450 m³.

5. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Chủ tịch UBND xã Ia Ly, Thủ

trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Hiệp Lợi Gia Lai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chi cục ĐC&KS Miền Trung;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Lưu: VT, N4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THĂM DÒ ĐÁ GRANITE
ỚP LÁT CÒN LẠI TẠI MỎ IÀ KRENG, XÃ IÀ LY, TỈNH GIA LAI**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)*

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 độ		Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 độ (tọa độ Gia Lai sau sát nhập)	
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)
1	1.567.377	419.766	1.567.306,70	446.752,97
2	1.567.677	419.766	1.567.605,68	446.752,65
3	1.567.677	420.066	1.567.606,00	447.052,64
4	1.567.377	420.066	1.567.306,02	447.052,96
Diện tích: 09 ha				

Phụ lục II**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ GRANITE ỚP LÁT CÒN
LẠI TẠI MỎ IA KRENG, XÃ IA LY, TỈNH GIA LAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
I	Khoáng sản đá granit nguyên khối đạt tiêu chuẩn làm ốp lát			
1	1-121	+770	207.380	
2	1-122	+770	163.210	
Cộng 121+122			370.590	
II	Khoáng sản đá granit nguyên khối không đồng nhất về màu sắc, độ hạt, độ thu hồi, không đạt tiêu chuẩn làm đá ốp lát được sử dụng làm đá chẻ, đá cubic, đá lát vỉa hè			
1	1-121	+770	233.390	
2	1-122	+770	183.680	
Cộng 121+122			417.070	
III	Khoáng sản đá granit làm vật liệu xây dựng thông thường, cát nghiền			
1	1-121	+770	271.860	
2	1-122	+770	213.955	
Cộng 121+122			485.815	
IV	Khoáng sản đất làm vật liệu san lấp (khoáng sản đi kèm)			
1	1-121	+770	487.750	
2	1-121	+770	922.607	
Cộng 121+ 122			1.410.357	